

Bản án số: 34/2017/KDTM-ST

Ngày 29.12.2017

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

- Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 70/2017/TLST-KDTM ngày 13.10.2017 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐST- KDTM ngày 13.12.2017 giữa:

*** *Nguyễn* ®-*n*:** Công ty cổ phần xây dựng G

Địa chỉ trụ sở: 693/20 đường C, phường K, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Đình D, chức vụ: Phó Giám đốc công ty (Theo giấy ủy quyền ngày 20.11.2017). (Có mặt).

*** *BP* ®-*n*:** Công ty cổ phần thủy điện S.

Địa chỉ trụ sở: 115 đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền có ông Đinh Hữu Anh T, chức vụ: Phó phòng Tổng hợp công ty (Theo giấy ủy quyền số 119/GUQ-TGD ngày 28.12.2017). (Có mặt).

NHẬN THẤY:

*** *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Đình D* trình bày:**

Ngày 11.12.2006 Công ty công trình G nay là Công ty cổ phần xây dựng G (Sau đây gọi tắt là Công ty G) cùng với Công ty cổ phần thủy điện S (Sau đây gọi tắt là Công ty S) ký hợp đồng kinh tế số: 19/HĐ-XDKD về việc thi công xây dựng đoạn Km2 + 700 đến km4 + 145 thuộc hạng mục kênh và công trình trên kênh Dự án nhà máy thủy điện A, tỉnh Q. Theo đó, Công ty G đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Cụ thể, hai bên đã lập hồ sơ quyết toán công trình tại thời điểm ngày 16.8.2012 và thanh lý hợp đồng ngày

19.12.2012 nhưng đến nay Công ty S vẫn chưa thanh toán hết giá trị xây lắp hoàn thành theo hồ sơ quyết toán cho Công ty G. Số nợ còn đến ngày 30.6.2017 là: 955.640.451 đồng (Chín trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn bốn trăm năm mươi một đồng).

Tại đơn khởi kiện Công ty G đề nghị Tòa án buộc Công ty S thanh toán cho Công ty G số tiền là 983.035.477 đồng. Trong đó nợ gốc là: 955.640.451 đồng, tiền lãi là 27.395.026 (tạm tính từ ngày 01.7.2017 đến 25.9.2017).

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty G rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ đề nghị Công ty S phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc theo đối chiếu công nợ là 955.640.451 đồng (Chín trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn bốn trăm năm mươi một đồng) và trả theo phương thức;

- Đến ngày 30.12.2017 Công ty S trả 50%.
- Số tiền 50% còn lại Công ty S phải có kế hoạch trả nợ cụ thể.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Hữu Anh T tr×nh bực:*

Công ty S ký hợp đồng kinh tế số: 19/HĐ-XDKD về việc thi công xây dựng đoạn Km2 + 700 đến km4 + 145 thuộc hạng mục kênh và công trình trên kênh Dự án nhà máy thủy điện A, tỉnh Quảng Nam với giá trị là 18.710.912.115 đồng. Trong quá trình thi công do nhà thầu thường xuyên chậm tiến độ, mặc dù Công ty S đã nhắc nhở và sẽ có biện pháp phạt nhà thầu tại nhiều cuộc họp nhưng nhà thầu vẫn không nghiêm túc thực hiện. Vì vậy Công ty S đã quyết định thu hồi khối lượng của nhà thầu để giao cho nhà thầu khác thi công. Sau khi ký quyết toán đối chiếu công nợ ngày 10.7.2017 Công ty S thừa nhận hiện nay còn nợ Công ty G số tiền là 955.640.451 đồng (Chín trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn bốn trăm năm mươi một đồng). Khi quyết toán công trình do Công ty S không có nguồn để trả nợ cho các nhà thầu nên đã không tính phần chi phí phạt hợp đồng do chậm tiến độ trên tinh thần hỗ trợ nhau trong lúc khó khăn. Vì vậy Công ty S ghi nhận khoản nợ trên đối với công ty G là đúng.

Hiện nay Công ty S đang tìm kiếm một số đối tác tham gia góp vốn vào dự án nhà máy thủy điện A. Công ty S cam kết rằng sau khi có đối tác tham gia góp vốn vào Công ty S (Hiện nay Công ty TNHH M chi nhánh Đà Nẵng đang là đối tác chính), Công ty S sẽ lập kế hoạch trả nợ cho Công ty G với lộ trình là 02 năm kể từ ngày Công ty TNHH M kế thừa các khoản nợ.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa Công ty G và Công ty S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng thi công xây dựng mà các bên đã giao kết là hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp với quy

định tại Điều 138 của Luật Xây dựng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Về nội dung theo trình bày của các bên đương sự thì: Ngày 11.12.2006 Công ty G cùng với Công ty S ký hợp đồng kinh tế số: 19/HĐ-XDKD về việc thi công xây dựng đoạn Km2 + 700 đến km4 + 145 thuộc hạng mục kênh và công trình trên kênh Dự án nhà máy thủy điện A, tỉnh Q. Trong quá trình thi công hai bên đã lập hồ sơ quyết toán công trình tại thời điểm ngày 16.8.2012 và thanh lý hợp đồng ngày 19.12.2012. Ngày 10.7.2017 Công ty G cùng với Công ty S ký đối chiếu công nợ xác nhận Công ty S còn nợ công ty G số tiền 955.640.451 đồng (Chín trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn bốn trăm năm mươi một đồng). Đến nay Công ty S vẫn chưa thanh toán.

[3] Việc hai bên sau khi đã ký biên bản đối chiếu công nợ nhưng Công ty S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ trong hợp đồng thi công xây dựng là vi phạm Điều 144 của Luật Xây dựng, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 955.640.451 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 10.7.2017 là có cơ sở, cần chấp nhận. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả toàn bộ số nợ gốc với lộ trình là 02 năm kể từ ngày Công ty TNHH M kế thừa các khoản nợ. Lộ trình trả nợ như trên phía nguyên đơn không chấp nhận. Hơn nữa, với lộ trình như trên thì không có thời gian cụ thể, không có cơ sở để thi hành án nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là 27.395.026 (tạm tính từ ngày 01.7.2017 đến 25.9.2017). Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 01.12.2017 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã rút phần yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX đình chỉ phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39, các Điều 271, Điều 217 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 138, 144 của Luật Xây dựng;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng G đối với Công ty cổ phần thủy điện S.

Xử: Buộc Công ty cổ phần thủy điện S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng G số tiền 955.640.451 đồng (Chín trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn bốn trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 27.395.026 đồng do nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 40.669.213 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm mười ba đồng) Công ty cổ phần thủy điện S phải chịu.

Công ty cổ phần xây dựng G không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần xây dựng G 20.745.532 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009800 ngày 12.10.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án xử sơ thẩm công khai, các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Q. Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Thuỳ

